

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **10120** /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày **07** tháng **7** năm 2025

V/v dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc soạn thảo các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật trong lĩnh vực tài chính; Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

Theo quy trình xây dựng và ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Quý Cơ quan Hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên (*Tài liệu kèm theo*).

Ý kiến tham gia của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) **trước ngày 18/7/2025**.

(Ngoài ý kiến tham gia bằng văn bản, đề nghị gửi file mềm về địa chỉ mail [maihaanh@mof.gov.vn](mailto:maihaanh@mof.gov.vn) – số điện thoại: 0906.207.345)

Mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, QLCS. **(056)**

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**  
  
**Bùi Văn Khăng**

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## Dự thảo 02

## NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước**

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và c khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị còn lại của tài sản.

Trường hợp tài sản không được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán để làm căn cứ xác định giá trị còn lại của tài sản thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thành lập Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản để tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp lại số tiền tương ứng với giá trị đánh giá lại của tài sản đó. Thành phần của Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản gồm: người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản là Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm chủ tịch, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.

Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản như sau:

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất  $\frac{2}{3}$  số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có).

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản.

Hội đồng phải lập Biên bản về việc đánh giá lại giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình đánh giá lại giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ đánh giá lại giá trị tài sản.

Nội dung chính của Biên bản đánh giá lại giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc đánh giá lại giá trị tài sản; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.

Hội đồng đánh giá lại giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

b1) Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b2) Số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b3) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần.

c) Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng trước khi xảy ra vi phạm của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng của tài sản (tài sản bị mất hoặc không còn khả năng thu hồi) thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản đã làm mất, làm huỷ hoại.”

2. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

**“Điều 8a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.**

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao”.

3. Bổ sung điểm b khoản 4 Điều 13 như sau:

“Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài sản công; hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sai mục đích so với đề án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao và được tính bằng số tiền thu được từ các hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp.”

4. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

**“Điều 13a. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả lại tài sản do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu.

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do cơ quan, tổ chức, đơn vị thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cung cấp”.

5. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

**“Điều 15a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý**

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 17 như sau:

“đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với việc sử dụng số liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép (sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia vào các mục đích khác ngoài các mục đích theo quy định pháp luật về quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản công mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép) và được tính bằng số tiền thu được từ hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân vi phạm cung cấp. Cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do mình cung cấp.”.

7. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 22 như sau:

“c) Xử lý tài sản khi chưa có Quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền”.

8. Bổ sung Điều 24a vào sau Điều 24 như sau:

**“Điều 24a. Hành vi vi phạm trong việc giao tài sản kết cấu hạ tầng; không lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng**

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi:

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;”

9. Bổ sung Điều 24b vào sau Điều 24a như sau:

**“Điều 24b. Hành vi vi phạm trong việc trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Không lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

**“Điều 30. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công**

1. Trưởng đoàn kiểm tra của trong thời hạn kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý công sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này

3. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này”.

**Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước**

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 18, Điều 39, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 52, Điều 63.

2. Bãi bỏ cụm từ “Hội đồng tiêu hủy tài sản” tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 26.

3. Bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên khoản 1 Điều 52.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt theo quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

3. Nghị định này bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trường hợp các cơ quan, chức danh có thẩm quyền nêu tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước thay đổi tên gọi do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước thì sử dụng theo tên gọi mới của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đó.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HDND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT ( ).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**



Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc soạn thảo các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật trong lĩnh vực tài chính, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*) và xin báo cáo Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở chính trị**

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, dân chủ, công bằng, nhân đạo, hiện đại, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận”; “Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối của Đảng, cụ thể hoá Hiến pháp, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân làm trung tâm, bảo đảm Nhân dân làm chủ, kiểm soát quyền lực nhà nước, quản trị quốc gia, hiện đại”.

- Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đã nêu: “Kiểm soát quyền lực của Chính phủ đối với quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công thông qua lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công và một số hoạt động hành chính khác”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền

*xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” đã nêu nhiệm vụ: “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.*

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Ngày 11/7/2019, căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2014 và các luật có liên quan, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. Nghị định số 63/2019/NĐ-CP đã giúp cho công tác thực thi pháp luật trong các lĩnh vực Tài chính; trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định đã quy định cụ thể về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được tăng cường, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao.

Để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước, ngày 16/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập. Chính phủ

- Ngày 13/11/2020, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14. Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; các chức danh được xử phạt hành chính, Luật số 88/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội ban hành Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

## **3. Cơ sở thực tiễn**

3.1. Hiện nay, đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công được phát hiện thông qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra. Tùy theo tính chất, mức độ của từng hành vi vi phạm mà tổ chức, cá nhân có liên quan có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự.

- Theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thì cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong thực thi công vụ, trong quá trình hoạt động nghề nghiệp thì bị xử lý kỷ luật khiển trách, *cảnh cáo*, cách chức, bãi nhiệm, hạ bậc lương, buộc thôi việc.

Theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính thì các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung bao gồm: *Cảnh cáo; Phạt tiền; Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; Trục xuất.*

Theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP thì hình thức xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt bổ sung trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: *Cảnh cáo; Phạt tiền; Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.*

Như vậy, hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP cơ bản là phù hợp với pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

- Theo quy định tại Bộ Luật hình sự thì tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí sẽ bị xử lý như sau: (i) Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; (ii) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm: Vì vụ lợi; Có tổ chức; Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; Gây thiệt hại về tài sản từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; (iii) Phạm tội gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm; (iv) Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP thì hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: Cảnh cáo và phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

Như vậy, về mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP cơ bản là phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Luật hình sự khi tổ chức, cá nhân vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí.

3.2. Theo quy định tại Điều 8 Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công thì những hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm: Lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, ban hành các văn bản trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công; Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt, chiếm giữ và sử dụng trái phép tài sản công; Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công không đúng mục

dịch, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức; Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng; Sử dụng tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức; Sử dụng hoặc không sử dụng tài sản công được giao gây lãng phí, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không phù hợp với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao; sử dụng tài sản công để kinh doanh trái pháp luật; Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật. Huy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công; Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật; Thực hiện không đúng quy định trong quản lý quy hoạch, đầu thầu, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng nhà, đất, tài nguyên, tài sản của Đảng, Nhà nước; Các hành vi tham nhũng, tiêu cực khác trong quản lý, sử dụng tài sản công theo chủ trương, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công như: Đầu tư, mua sắm tài sản công; đi thuê tài sản; giao, sử dụng tài sản, huy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công; cho mượn tài sản công; trao đổi, tặng cho tài sản công không đúng quy định; lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; về xử lý, tổ chức xử lý tài sản công; về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công; về trang cấp, giao, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; về xử lý, đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; về khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng; về đăng nhập, sử dụng số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng); hình thức xử phạt, mức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính,...; đồng thời, quy định cụ thể trách nhiệm thi hành của các Bộ, ngành, UBND các cấp, các cơ quan chức năng của nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Như vậy, các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP cơ bản là phù hợp với Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị.

3.3. Ngoài ra, qua quá trình tổng kết thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công tại các Bộ, ngành trung ương, địa phương cho thấy: (i) Những tác động tích cực, khắc phục tồn tại, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động nhằm quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công; (ii) Các nội dung về đối tượng, phạm vi; thời hiệu xử phạt; thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; các hành vi vi

phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; hình thức xử phạt, mức xử phạt; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính,... quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP về cơ bản là phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản có liên quan; (iii) Qua tổng kết, đánh giá Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP thì từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2024 đã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công với khoảng 63 vụ việc với tổng số tiền phạt thu được khoảng 459 triệu đồng; số lợi bất hợp pháp đã nộp lại NSNN khoảng 8.667 triệu đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đã phát sinh một số vấn đề sau:

- Một số nội dung quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật Đấu thầu năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 như: Nội dung mua sắm tài sản công; giao tài sản công; chuyển giao tài sản công; khai thác tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng; đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công; xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản công,...

- Mức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa đủ sức răn đe và phòng ngừa vi phạm; cần phải nâng mức xử phạt cao hơn (từ 1,5 đến 2 lần) so với hiện hành.

- Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công: một số chức danh có thẩm quyền xử phạt không còn phù hợp theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thanh tra 2025.

*Lý do:* Tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 hiện nay đang quy định cơ quan thanh tra gồm: (1) Thanh tra Chính phủ; (2) Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (3) Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Cơ yếu; (4) Cơ quan thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên. Như vậy, không còn thanh tra sở, thanh tra huyện, thanh tra tổng cục và cục,...

- Việc quy định “giá trị tài sản” làm căn cứ xác định mức phạt các hành vi vi phạm tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP là chưa rõ (theo nguyên giá hay giá trị còn lại hay giá trị đánh giá lại). Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh được quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.

Ngoài ra, tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP không quy định nguyên tắc, cách xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính gây ra để buộc đối tượng vi phạm nộp lại theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành

chính. Hiện nay cũng chưa có căn cứ pháp lý để xác định số lợi bất hợp pháp do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đối chiếu với quy định tại Luật Thanh tra năm 2022, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thanh tra 2025, Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ thì tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP còn thiếu quy định thẩm quyền xử phạt đối với các chức danh của cơ quan được giao thực hiện chức năng kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính được pháp luật quy định thẩm quyền xử phạt như “Trưởng đoàn kiểm tra trong thời hạn kiểm tra” và “Cục trưởng Cục Quản lý công sản”...

Những khó khăn, vướng mắc trong quy định của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP đã dẫn đến hiệu quả xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công còn hạn chế, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật.

Ngày 08/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP (*sửa đổi nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*). Do đó, các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước sẽ không sửa đổi, bổ sung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP (*sửa đổi nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

Căn cứ thực tiễn và pháp lý nêu trên, nhằm khắc phục bất cập, nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công và phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thanh tra, Nghị định số 03/2024/NĐ-CP, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ thì việc xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích ban hành**

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tài chính, trong đó có lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

### **2. Quan điểm xây dựng**

- Kế thừa các quy định pháp luật hiện hành còn phù hợp thực tiễn, sửa đổi những quy định không còn phù hợp và bổ sung các quy định mới; bảo đảm thực thi các quy định mới về của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ Quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị.

- Bảo đảm phù hợp chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Để có cơ sở đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP và kiến nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 7832/BTC-QLCS ngày 25/7/2024, Văn bản số 9453/BTC-QLCS ngày 06/9/2024 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

- Bộ Tài chính đã gửi văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Công văn số .../BTC-QLCS ngày .../.../2025); đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ tại Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính và Trang Thông tin về tài sản công bằng thời gian lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương (Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính

phủ tại Văn bản số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ).

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

- Dự thảo Nghị định có tên gọi là *“Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước”*.

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: không có sự thay đổi, được quy định tại Điều 1, 2 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.

##### **2. Về bố cục**

Dự thảo Nghị định có 03 Điều theo mẫu Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Điều 1 sửa đổi, bổ sung Nghị định 63/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

- Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*).

- Điều 3. Điều khoản thi hành.

##### **3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

**3.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 63/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ (Điều 1):**

- Sửa đổi, bổ sung hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp (sửa đổi điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 4).

- Bổ sung: (i) Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chậm thi hành quyết định giao tài sản công bằng hiện vật cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (Bổ sung Điều 8a); (ii) Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (Bổ sung Điều 13a).

- Bổ sung: (i) Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý (Bổ sung Điều 15a);.

- Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 17 về biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công.

- Bổ sung: (i) Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 22); (ii) Hành vi vi phạm



trong việc giao tài sản kết cấu hạ tầng; (Bổ sung Điều 24a); (iii) Hành vi vi phạm trong việc trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (Bổ sung Điều 24b).

- Sửa đổi khoản 1 Điều 29, Điều 30 về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã, Trưởng đoàn kiểm tra trong thời hạn kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, Cục trưởng Cục Quản lý công sản, Thanh tra viên, Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

### **3.2. Bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP (Điều 2):**

(i) Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 18, Điều 39, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 52, Điều 63; (ii) Bãi bỏ cụm từ “Hội đồng tiêu hủy tài sản” tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 26; (iii) Bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên khoản 1 Điều 52.

Lý do bãi bỏ: Nội dung các điều khoản trên không còn phù hợp với Luật Đấu thầu năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thanh tra 2025, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025.

### **3.3. Điều khoản thi hành (Điều 3):**

- Về điều khoản chuyển tiếp: Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt theo quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP.

- Về hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Về trách nhiệm thi hành: Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

## **V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Về cơ bản, Nghị định được ban hành không làm phát sinh tổ chức bộ máy, nhân lực, chi phí vận hành bộ máy, thủ tục hành chính cũng như chi phí để tổ chức thực hiện Nghị định. Việc sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, mức xử phạt hành chính, quy định giá trị tài sản khắc phục hậu quả,... của Nghị định là theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

năm 2020, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, các điều kiện về nhân lực, tài chính được bảo đảm thi hành sau khi Nghị định được ban hành.

Nghị định không phân biệt về giới, đảm bảo các quy định của pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ thì:

- Nghị định này được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Thời hạn hoàn thành Nghị định này trong tháng 12/2025.

## **VI. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

.....

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*), Bộ Tài chính, kính trình Chính phủ, xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương; (3) Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLCS ( b).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Văn Khăng**

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ; DỰ TRỮ QUỐC GIA; KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Công văn số /BTC-QLCS ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

STT	NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1	<p><b>Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả</b></p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công:</p> <p>Tùy theo hành vi, tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:</p> <p>a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản;</p> <p>b) Buộc nộp lại số tiền do thực hiện hành vi vi phạm hành chính gây ra;</p> <p>c) Buộc hoàn trả lại tài sản, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả bằng tiền hoặc trả bằng tài sản khác có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;</p> <p>d) Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm trụ sở làm</p>	<p><b>Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả</b></p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công:</p> <p>Tùy theo hành vi, tính chất, mức độ vi phạm mà tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả như:</p> <p>a) Buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị còn lại của tài sản.</p> <p>Trường hợp tài sản không được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán để làm căn cứ xác định giá trị còn lại của tài sản thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thành lập Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản để tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp lại số tiền tương ứng với giá trị đánh giá lại của tài sản đó. Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản gồm có người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản là Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm chủ tịch, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.</p> <p>Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đánh giá lại giá trị của tài sản như sau:</p> <p>Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3</p>	<p>Việc quy định “giá trị tài sản” làm căn cứ xác định mức phạt các hành vi vi phạm tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP là chưa rõ (theo nguyên giá hay giá trị còn lại hay giá trị đánh giá lại). Điều này có thể ảnh hưởng đến việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh được quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Ngoài ra, tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP không quy định nguyên tắc, cách xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính gây ra để buộc đối tượng vi phạm nộp lại theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 37 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định số lợi bất hợp pháp bao gồm tiền, tài sản, giấy tờ và vật có giá có được từ vi phạm hành chính). Hiện nay cũng chưa có căn cứ pháp lý để xác định số lợi bất hợp pháp do vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, cần có quy định cụ thể về nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp để các chức danh có thẩm quyền xử phạt tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP làm căn cứ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính.</p>

<p>việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;  đ) Buộc hủy các báo cáo kê khai bị khai man, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định trong việc đăng nhập, sử dụng số liệu về tài sản công;  e) Buộc điều chỉnh, bổ sung số liệu, thông tin, báo cáo kê khai bổ sung về tài sản công.</p>	<p>số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có).</p> <p>Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản.</p> <p>Hội đồng phải lập Biên bản về việc đánh giá lại giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình đánh giá lại giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ đánh giá lại giá trị tài sản.</p> <p>Nội dung chính của Biên bản đánh giá lại giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp đánh giá lại giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc đánh giá lại giá trị tài sản; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.</p> <p>Hội đồng đánh giá lại giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.</p> <p>Trường hợp tài sản bị mất hoặc chưa thu hồi được thì tổ</p>	
---	--	--

		<p>chức, cá nhân vi phạm buộc phải hoàn trả lại tài sản đó. Việc hoàn trả lại tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.</p> <p>b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.</p> <p>Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính:</p> <p>b1) Việc xác định số lợi bất hợp pháp do người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện và ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>b2) Số lợi bất hợp pháp được xác định từ khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính đến thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>b3) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xác định số lợi bất hợp pháp có được theo từng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo từng lần.</p>	
2	Bổ sung Điều 8a	<p><b>Điều 8a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chậm thi hành quyết định giao tài sản công</b></p> <p>Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan nhà nước nhận bàn giao.</p>	<p>Tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 4a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định: <u>“Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản cho cơ quan nhà nước được giao tài sản để quản lý, sử dụng.</u></p>

			<i>Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.</i> Do đó, việc bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi chậm thi hành quyết định giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận bàn giao là phù hợp.
3	<p><b>Điều 13. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết</b></p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>b) Buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p><b>Điều 13. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết</b></p> <p>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tài sản công; hành vi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết sai mục đích so với đề án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao và được tính bằng số tiền thu được từ các hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do tổ chức, cá nhân vi phạm cung cấp. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do đơn vị mình cung cấp.</p>	Bổ sung nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Do đó, cần bổ sung quy định cụ thể về số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm hành chính đối với các quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để các chức danh có thẩm quyền xử phạt tại Nghị định này làm căn cứ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính.
4	Bổ sung Điều 13a	<p><b>Điều 13a. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị</b></p> <p>1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, cấp có</p>	Tại khoản 7, 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 10b, 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định danh mục TSC được khai thác; nguyên tắc khai thác TSC; hình thức khai thác TSC; thẩm quyền khai thác

		<p>thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác.</p> <p>2. Biện pháp khắc phục hậu quả:</p> <p>a) Buộc hoàn trả lại tài sản do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp tài sản đã bị thay đổi do hành vi quy định tại khoản 1 Điều này gây ra thì phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải trả lại bằng tiền hoặc tài sản có công năng và giá trị sử dụng tương đương với tài sản ban đầu.</p> <p>b) Buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền do cơ quan, tổ chức, đơn vị thu được từ hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm cung cấp. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cung cấp.</p>	<p>TSC; trình tự, thủ tục khai thác TSC. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định xử phạt hành chính đối với hành vi khai thác tài sản công khi chưa được cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khai thác. Do đó, cần bổ sung quy định về việc phạt tiền đối với hành vi nêu trên và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để thống nhất với quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.</p>
5	Bổ sung Điều 15a	<p><b>Điều 15a. Hành vi vi phạm hành chính đối với việc chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý</b></p> <p>Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý.</p>	<p>Tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 35a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định: <u>“Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này) hoặc kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này), cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương (theo Quyết định chuyển giao hoặc văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; thực hiện hạch toán giảm tài sản, giá trị tài sản</u></p>

			chuyển giao. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này.”. Do đó, việc bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi chậm thi hành quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý là phù hợp.
6	<p><b>Điều 17. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công</b></p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.</p>	<p><b>Điều 17. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công</b></p> <p>3. Biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.</p> <p>Nguyên tắc xác định số bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>Số lợi bất hợp pháp có được là toàn bộ số tiền thu được từ hành vi vi phạm hành chính đối với việc sử dụng số liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép (sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia vào các mục đích khác ngoài các mục đích theo quy định pháp luật về quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản công mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép) và được tính bằng số tiền thu được từ hành vi vi phạm nêu trên sau khi đã trừ chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó do cá nhân vi phạm cung cấp. Cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của các chi phí do mình cung cấp.</p>	<p>Bổ sung nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm hành chính tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Do đó, cần bổ sung quy định cụ thể về số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về TSC để các chức danh có thẩm quyền xử phạt tại Nghị định này làm căn cứ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính.</p>
7	<p><b>Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</b></p> <p>2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:</p> <p>a) Không lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;</p> <p>b) Lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng</p>	<p><b>Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</b></p> <p>2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi:</p> <p>a) Không lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;</p>	<p>Tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; trong đó, có quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được XLSHTD. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định xử phạt hành chính đối với hành vi xử lý</p>



	thời hạn theo quy định của pháp luật.	<p>b) Lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) <u>Xử lý tài sản khi chưa có Quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền.</u></p>	tài sản khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án xử lý. Do đó, cần bổ sung quy định về việc phạt tiền đối với hành vi nêu trên để thống nhất với Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.
8	Bổ sung Điều 24a	<p><b>Điều 24a. Hành vi vi phạm trong việc giao tài sản kết cấu hạ tầng</b></p> <p>Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quy định đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chủ động lập hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên lập đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chưa có quy định về xử phạt hành chính đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền. Hiện nay, các Nghị định quy định về quản lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng (Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, số 12/2025/NĐ-CP,...) đều quy định cụ thể thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng tương ứng với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó, cần bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.
9		<p><b>Điều 24b. Hành vi vi phạm trong việc trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng</b></p> <p>Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	Tại Điều 80 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng như: (i) Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (ii) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; (iii) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (iv) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (v) Phương thức khác theo quy định của pháp luật. Hiện Nghị định số 63/2019/NĐ-CP chỉ quy định xử phạt hành chính đối với hành vi cho

			thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Do đó, cần bổ sung quy định xử phạt hành chính đối với hành vi trực tiếp tổ chức thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khi không có Quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp phải lập Đề án.
10	<p><b>Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p>	<p><b>Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p>	<p>Tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp xã (sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp, không còn cấp huyện). Do đó, cần sửa đổi thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP thành thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.</p>
11	<p><b>Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra</b></p> <p>1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn</p>	<p><b>Điều 30. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công</b></p> <p>1. Trưởng đoàn kiểm tra của trong thời hạn kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Cục trưởng Cục Quản lý công sản có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh</p>	<p>Tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính đang quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (bổ sung Điều 37a Luật XLVPHC); trong đó bao gồm thẩm quyền của: (i) Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực; Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; (ii) Thanh tra viên, Trưởng đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra; (iii) Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thời hạn kiểm tra. Ngoài ra, tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 hiện nay</p>

	<p>thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>4. Chánh Thanh tra bộ có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p>	<p>tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>4. Trường đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có quyền:</p> <p>a) Phạt cảnh cáo;</p> <p>b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;</p> <p>d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.</p>	<p>đang quy định cơ quan thanh tra gồm: (1) Thanh tra Chính phủ; (2) Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (3) Cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Cơ yếu; (4) Cơ quan thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên. Như vậy, không còn thanh tra sở, thanh tra huyện, thanh tra tổng cục và cục,... Việc quy định lại thẩm quyền xử phạt hành chính của các chức danh: Trường đoàn kiểm tra của cơ quan được giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; Cục trưởng Cục Quản lý công sản; Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; Trường đoàn thanh tra trong thời hạn thanh tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP là phù hợp, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC, Luật Thanh tra (sửa đổi).</p>
12	<p><b>Điều 6. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đầu tư, mua sắm tài sản công</b></p> <p>1. Phạt tiền đối với hành vi thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo các mức phạt sau:</p>	<p>Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 18, Điều 39, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 52, Điều 63.</p>	<p>- Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 7: Tại Nghị định số 114/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thuê, mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu; thẩm quyền ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện</p>

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua dưới 100.000.000 đồng;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là máy móc, thiết bị, tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua từ 100.000.000 đồng trở lên;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 7. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về đi thuê tài sản**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về đi thuê tài sản trong trường hợp hợp đồng thuê tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng đối với các hành vi:

a) Hành vi thực hiện đi thuê tài sản khi không có quyết định về thuê tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng hình thức, trình tự theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và

theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Do đó, việc quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đầu tư, thuê, mua sắm khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền và hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung không còn phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cần bãi bỏ các quy định xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm không thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 15: Tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP không quy định về thời hạn thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công; do đó, việc quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công không đúng thời hạn theo quy định là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 7: Hiện pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác không quy định hình thức, trình tự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản. Do đó, việc xử phạt hành vi nêu tại điểm c khoản 1 Điều 7 là không có căn cứ pháp lý, không khả thi với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 17: Tại Thông tư số 48/2023/TT-BTC quy định Bộ Tài chính (Cục QLCS) tạo lập, duyệt tài khoản của đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này; duyệt tài khoản của đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính; không có quy định

<p>pháp luật có liên quan.</p> <p><b>Điều 15. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về xử lý tài sản công</b></p> <p>1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:</p> <p>b) Thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công không đúng thời hạn theo quy định;</p> <p><b>Điều 17. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công</b></p> <p>Phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản công như sau:</p> <p>1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:</p> <p>b) Thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi không có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính;</p> <p><b>Điều 18. Hành vi vi phạm hành chính đối với các quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước</b></p> <p>1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi không có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.</p> <p>2. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật</p>		<p>về việc thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính khi thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới. Trường hợp Bộ Tài chính không duyệt cho phân cấp nhập dữ liệu thì các đơn vị cấp dưới không thể đăng nhập vào Phần mềm quản lý tài sản công. Do đó, việc quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thực hiện phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị cấp dưới khi không có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính là không khả thi, không thống nhất với quy định hiện hành trong việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm quản lý tài sản công.</p> <p>- Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 18: Tương tự như bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 6.</p> <p>- Bãi bỏ Điều 39, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 52, Điều 63: Hiện nay, Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 không còn quy định về Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở. Do đó, bãi bỏ các quy định liên quan đến Thanh tra Bộ, Thanh tra sở, cấp sở là phù hợp với Luật Thanh tra 2025, Luật XLVPHC.</p>
---	--	--

thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

**Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Chánh Thanh tra sở, các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

- a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;
- b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra bộ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 52. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành do Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực ra quyết định thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

3. Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

**Điều 63. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**

1. Chánh thanh tra Sở Tài chính, Trường đoàn Thanh tra chuyên ngành Sở Tài chính, Trường đoàn Thanh tra chuyên ngành Kho bạc Nhà nước do Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh thành lập và Trường đoàn Thanh tra chuyên

	<p>ngành Kho bạc Nhà nước do Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước thành lập có quyền:</p> <p>a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;</p> <p>b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền:</p> <p>a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;</p> <p>b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:</p> <p>a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;</p> <p>b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định này.</p>		
13	<p><b>Điều 26. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng</b></p> <p>2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thành lập không đúng thẩm quyền, không đúng thành phần Hội đồng xác định giá, <u>Hội đồng tiêu hủy tài sản</u> theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Không thành lập Hội đồng xác định giá, <u>Hội đồng tiêu hủy tài sản</u> theo quy định của pháp luật;</p>	Bãi bỏ cụm từ “Hội đồng tiêu hủy tài sản” tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 26.	Hiện nay các Nghị định quy định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng (Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, số 12/2025/NĐ-CP,...) không có quy định về “Hội đồng tiêu hủy tài sản”. Do đó, việc quy định xử phạt hành chính đối với hành vi thành lập không đúng thẩm quyền, không đúng thành phần, không thành lập Hội đồng tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật là không phù hợp so với quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng.



14	<p><b>Điều 52. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra</b></p> <p>1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra <u>chuyên ngành</u> trong lĩnh vực dự trữ quốc gia đang thi hành công vụ có quyền:</p>	<p>Bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên khoản 1 Điều 52.</p>	<p>Tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 không quy định việc thanh tra chuyên ngành. Do đó, việc bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” là phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra.</p>
14		<p><b>Điều 3. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.</p> <p>2. Quy định chuyên tiếp</p> <p>Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt theo quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho tổ chức, cá nhân vi phạm.</p> <p>3. Nghị định này bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.</p> <p>4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.</p> <p>5. Trường hợp các cơ quan, đơn vị nêu tại Nghị định này thay đổi tên gọi do sắp xếp lại bộ máy của Chính phủ thì sử dụng theo tên gọi mới của cơ quan đó.</p> <p>6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 30 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. Tại dự thảo Nghị định đang quy định sửa đổi Điều 30; do đó, cần bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP đảm bảo phù hợp, thống nhất.</p>

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

**BẢN ĐÁNH GIÁ**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2019/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG; THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ; DỰ TRỮ QUỐC GIA; KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. Kết quả như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**

**1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước**

- Để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Thanh tra (sửa đổi); Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đã nêu: “Kiểm soát quyền lực của Chính phủ đối với quản lý,

*sử dụng tài chính, tài sản công thông qua lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công và một số hoạt động hành chính khác”.*

- Bảo đảm phù hợp chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 57/VPCP-KTTH ngày 03/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc soạn thảo các Văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật trong lĩnh vực tài chính, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước *(phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công)*

## **2. Mục đích, yêu cầu đánh giá:**

- Tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tài chính, trong đó có lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

## **II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

**1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính:** Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước *(phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công)* không quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

2. Việc bảo đảm bình đẳng giới: Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*) không có nội dung liên quan đến bảo đảm bình đẳng giới.

3. Việc thực hiện chính sách dân tộc Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*) không có nội dung liên quan đến thực hiện chính sách dân tộc.

4. Về việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (*phần nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công*) không có nội dung phải thực hiện phân cấp, phân quyền./.